



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 14/01/2026 (Thứ Tư)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
3.4	20:44	00:00	↙
1.5	04:43	08:30	↗
3.2	12:40	16:15	↙
3	16:15	20:00	↗
3.4	21:30	00:30	↙
1.2	05:37	09:15	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Uy	SITC HANSHIN	8.3	172	17,119	P/s3 - CL5	03:00	// 06.00	A5-A6
2	P.Cần	MILD CHORUS	7.5	148	9,994	H25 - TCHP	03:00	// 05.30, SR	08-12
3	Hà	POS HOCHIMINH	8.6	173	18,085	P/s3 - BNPH	03:30	// 06.30	A1-TM
4	P.Hải	SAWASDEE SIRIUS	9.6	173	18,051	P/s3 - CL4	05:00	// 08.00	A3-A5
5	K.Toàn - H.Thanh	DONGJIN VOYAGER	8.5	173	18,559	P/s3 - CL7	15:00	// 13.30	A3-A5
6	Đ.Long - N.Trường	NYK CLARA	10.3	210	27,051	P/s3 - CL4-5	13:30	// 14.00	A2-A6
7	M.Tùng - Q.Hưng	NICOLINE MAERSK	9	199	27,733	P/s3 - CL5	13:00	// 16.00	A3-A6
8	T.Tùng - Đ.Minh	RACHA BHUM	10.6	211	32,190	P/s3 - CL3	14:00	// 17.00	A2-A6
9	N.Chiến	SAWASDEE INCHEON	10	172	18,051	P/s3 - CL1	13:00	// 17.00	A3-A5
10	P.Thùy	KMTC TOKYO	9.3	173	17,853	P/s3 - BNPH	15:30	// 18.00	A1-A5
11	Thịnh - Chính	WAN HAI 353	10.3	204	30,519	P/s3 - BP7	21:00	Thả neo, tăng cường dây	
12	Vinh	KYOTO TOWER	9.2	172	17,229	P/s3 - CL4	04:30	// 07.30	
13	T.Cần - Nghị	FS BITUMEN NO.1	4.5	106	4,620	CR - P/S	05:00	QTCR	
14	T.Cần - Nghị	DIAMOND PRINCESS	8.5	289	115,906	P/S - CR	06:00	QTCR	
15	T.Cần - Nghị	DIAMOND PRINCESS	8.5	289	115,906	CR - P/S	15:30	QTCR	
16	Duyệt	KMTC JARKATA	9.6	172	16,659	P/s3 - CL7	03:00	//0130	A2-A5
17	Quyển	PHU QUY 126	6.1	100	4,332	H25 - CanGio	11:00	ĐX, SR	
18	Diệu	VIET THUAN 10	6.6	80	3,260	H25 - CanGio	11:00	ĐX, SR	
19	Giang	QUANG VINH 189	7.2	120	6,331	H25 - CanGio	17:00	ĐX, SR	
STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai

1	Chương - Khái	ZIM ARIES	12.8	273	74,763	P/s3 - CM2	02:30	MP	MR-KS
2	Đức - Trung	HYUNDAI PLUTO	12	333	110,632	CM3 - P/s3	12:00	MP; VTX	MR-KS-AWA
3	P.Hung	ADDISON	11.1	222	27,779	P/s3 - CM4	15:30	Y/c MP; VTX	A10-STAR2
4	Đ.Toản	ADDISON	11.1	222	27,779	CM4 - P/s3	04:30	MP; VTX	A10-STAR2
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Hiến	CONTRIVIA	6.5	146	9,972	CL1 - H25	05:30	SR	A5-01
2	N.Dũng	STARSHIP JUPITER	9.2	197	27,997	CL5 - P/s3	06:00	LT	A1-A6
3	P.Tuấn - V.Dũng	KMTC BANGKOK	9.1	173	18,318	CL4 - P/s3	08:00	LT	A3-A6
4	Đ.Chiến	KMTC JARKATA	9.2	172	16,659	CL7 - P/s3	18:00	LT	A1-A2
5	Vinh	SAWASDEE DENEK	9.3	172	18,072	CL1 - P/s3	14:30	LT	A3-01
6	N.Hoàng - Tân	KOTA GAYA	9.8	223	29,015	CL4-5 - P/s3	16:30	LT	A1-A6
7	V.Hải	SITC HANSHIN	8.8	172	17,119	CL5 - P/s3	16:00	LT	A6-01
8	Đ.Toản - Uy	SPIL NIRMALA	8.5	212	26,638	CL3 - P/s3	14:00	LT	A1-A2
9	Quyết	POS HOCHIMINH	8.4	173	18,085	BNPH - H25	17:00	SR	A1-TM
10	T.Tùng - Hoàn	STARSHIP URSA	8.6	173	20,920	CL7 - P/s3	01:30	LT	A2-A5
11	M.Hùng	SON TRA 126	3.5	100	4,332	CanGio - G8	15:00	ĐX	
12	Hoàn	PVT RUBY	4	144	8,371	CanGio - G9	13:00	ĐX	
STT	Hoa tiêu	Tàu đời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Minh - Duy	SAWASDEE DENEK	9.5	172	18,072	BNPH - CL1	05:30		A2-A3

PILOTING TO SUCCESS